TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2019/HS-ST
Ngày: 15 - 11 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Diệm và Ông Thạch Nhị

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 152/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Công Đ (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1995 tại Thái Bình; nơi cư trú ấp thôn 02, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Công D, sinh năm 1970 và bà Trần Thị L, sinh năm 1972; bị cáo có vợ, con (chưa đăng ký kết hôn); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2019 cho đến nay "bị cáo có mặt"

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1993; nơi cư trú thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước "vắng mặt";

Anh Tạ Hồng G sinh năm 1991; nơi cư trú tổ 01, khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt";

Người chứng kiến:

Anh Trần Ngọc K, sinh năm 1970; nơi cư trú ấp 01, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt";

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; nơi cư trú thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; chổ ở hiện nay ấp 01, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt";

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân là người thường xuyên sử dụng ma túy và có nhu cầu sử dụng ma túy loại Methamphetamine (ma túy đá) nên Lê Công Đ nảy sinh ý định mua ma túy để sử dụng. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 04/6/2019 Đ đang ở nhà thuộc ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước sử dụng điện thoại di động gọi cho người đàn ông tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua 4.000.000 đồng tiền ma túy đá thì H đồng ý bán và hẹn khi nào có ma túy thì sẽ gọi điện thoại lại cho Đ. Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/6/2019 H gọi điện thoại cho Đ hẹn gặp nhau ở trước quán cà phê "G" trên đường H, thuộc khu phố P, phường T, thành phố Đ để giao nhận ma túy và tiền. Tại đây Đ đưa cho H số tiền 4.000.000 đồng thì H bán cho Đ 02 bịch nylon miệng kéo dính bên trong có chứa ma túy dạng đá kích thước mỗi bịch khoảng (8,5 x 5,0)cm. Sau khi mua được ma túy, Đ cất giấu 01 bịch nylon chứa ma túy đá vào ví da và cất giấu 01 bịch ma túy đá vào túi quần đang mặc. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Đ điều khiển xe mô tô biển số 93P1-879.64 đến nhà nghỉ "H" thuộc ấp 1, xã T, thành phố Đ thuê phòng nghỉ số 08 để sử dụng ma túy. Khoảng 10 phút sau Công an thành phố Đ kiểm tra hành chính phát hiện Đ cất giấu 01 bịch nylon chứa ma túy đá trong ví da và cất giấu 01 bịch ma túy đá trong túi quần đang mặc nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ 02 bịch ny lon chứa tinh thể màu trắng kích thước khoảng (8,5 x 5,0)cm.

Tại bản Kết luận giám định số 133/2019/GĐ-MT ngày 11/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước thể hiện:

Tinh thể màu trắng có trong 02 (hai) gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 15,0253 (Mười lăm phẩy không hai năm ba) gam, loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy thuộc danh mục IIC STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ: 01 (một) bì thư mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng 13.6684 gam được niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen bạc đã qua sử dụng, 01 ví da đã qua sử dụng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Công Đ, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 93P1-879.64.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 93P1-879.64, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh làm rõ chủ sở hữu và ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu anh Tạ Hồng G.

Tại Bản cáo trạng số 150/CT-VKS ngày 28/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo Lê Công Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều

51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Công Đ mức án từ 05 đến 06 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone màu đen bạc; trả lại cho bị cáo Đ 01 ví da và 01 chứng minh nhân dân mang trên Lê Công Đ

Bị cáo Đ tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 150/CT-VKS ngày 28/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến; phù hợp với kết luận điều tra, với kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do bản thân là người nghiện ma túy nên khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/6/2019, tại quán cà phê G trên đường H, thuộc khu phố P, phường T, thành phố Đ Lê Công Đ đã mua 4.000.000 đồng ma túy của đối tượng tên H (chưa rõ nhân thân lại lịch) rồi đem đến phòng số 8 nhà nghỉ "H" thuộc ấp 1, xã T, thành phố Đ sử dụng thì bị lực lượng Công an thành phố Đ kiểm tra hành chính thu giữ số ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 133/2019/GĐ-MT ngày 11/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước thể hiện:

Tinh thể màu trắng có trong 02 (hai) gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 15,0253 (Mười lăm phẩy không hai năm ba) gam, loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy thuộc danh mục IIC STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

[3] Hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tổng khối lượng 15,0253 gam ma túy loại Methamphetamine mà bị cáo tàng trữ trái phép để sử dụng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc cất giấu ma túy để sử dụng là hành vi vi phạm pháp luật, khi bị phát hiện sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Song, để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[5] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng và sự phát triển lành mạnh của con người. Vì vậy cần có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chat, mức độ hành vi và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Đối với người thanh niên tên H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đang xác minh nhân thân, lai lịch để có căn cứ xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định và 01 ví da màu nâu đã cũ;

Trả lại cho bị cáo Đ 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Công Đ.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone màu đen xám là phương tiện để bị cáo liên hệ thực hiện hành vi phạm tội do đó cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Công Đ (tên gọi khác: Đ)phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Công Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2019.

3. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong, đóng dấu giáp lai số 133 ngày 11/6/2019 và 01 ví da màu nâu.

Trả lại cho bị cáo Đ 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Công Đ.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone màu đen bạc đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001740, quyển số 0035, ký hiệu D47/2017 ngày 15/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND thành phố Đ;*
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS thành phố Đ;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.*
- *CA thành phố Đ;*
- *Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS-VP*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An